TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2024/DS-PT
Ngày: 04 - 6 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thọ

Ông Nguyễn Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 31/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2024/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2024 và Thông báo về việc dời ngày xét xử số 16/TB-TA ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn T; Địa chỉ ấp P, xã HP, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn B; Địa chỉ ấp l, xã P, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn K; Địa chỉ ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn N; Địa chỉ ấp A, ấp H2, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

3. Người làm chứng:

- Chị Nguyễn TL; Địa chỉ ấp H1, ấp H2, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

- Anh Trương T; Địa chỉ ấp 7, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- Anh Nguyễn VT; Địa chỉ ấp H1, ấp H2, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn T và người đại diện của nguyên đơn ông Nguyễn B trình bày: Vào 20/12/2022 (âm lịch) ông Nguyễn T và ông Nguyễn K có ký hợp đồng đặt cọc mua bán lúa với nhau, thỏa thuận các bên được lập bằng văn bản ghi là Hợp đồng mua bán lúa, với nội dung ông G đặt mua lúa đài thơm với số lượng 03 ghe (tương ứng 65 tấn/ghe), giá mua là 6.500 đồng/kg, để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng bên ông G đặt cọc trước cho ông K số tiền 60.000.000 đồng, các bên thỏa thuận giao nhận lúa trong khoảng thời gian từ ngày 15/01/2023 (âm lịch) đến hết ngày 30/01/2023 (âm lịch). Trong thời hạn nêu trên bên bán không giao đủ số lượng lúa thì bồi thường tiền cọc gấp đôi, bên mua không cân lúa thì bị mất cọc. Quá trình thực hiện hợp đồng như sau:

Ngày 21/02/2023, ông K giao cho ông G 01 ghe lúa, đến ngày 03/3/2023 ông Ktiếp tục giao cho ông G 01 ghe lúa và đã khấu trừ tiền cọc là 10.000.000 đồng với ông K. Như vậy số tiền cọc còn lại là 50.000.000 đồng, các bên thống nhất khi nào cân đợt 3 sẽ khấu trừ hết cọc.

Tuy nhiên đến nay, ông G đã nhiều lần yêu cầu ông K giao số lượng lúa còn lại nhưng ông K không giao và cũng không chịu trả lại tiền cọc lại cho ông G. Nay, ông G yêu cầu Tòa án buộc ông K trả lại cho ông G 50.000.000 đồng tiền cọc và bồi thường tiền cọc 50.000.000 đồng do vi phạm hợp đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn K trình bày: Vào 20/12/2022 (âm lịch) ông và ông G có ký hợp đồng đặt cọc mua bán lúa với nhau, thỏa thuận các bên được lập bằng văn bản ghi là Hợp đồng mua bán lúa, với nội dung ông G đặt mua lúa đài thơm với số lượng 03 ghe (tương ứng 65 tấn/ghe), giá mua là 6.500 đồng/kg. Sau đó, ông G yêu cầu mua thêm 01 ghe, số lượng 65 tấn, giống lúa đài thơm (thỏa thuận miệng ngoài hợp đồng). Ông đã nhận của ông G số tiền cọc là 60.000.000 đồng, các bên thỏa thuận giao nhận lúa trong khoảng thời gian từ ngày 15/01/2023 (âm lịch) đến hết ngày 30/01/2023 (âm lịch). Nếu bên bán không giao lúa thì bồi thường tiền cọc, nếu bên mua không nhận lúa thì mất cọc. Quá trình thực hiện thì ông đã giao được cho ông G 02 ghe lúa, số lượng khoảng 112 tấn. Số lượng lúa còn lại, sau khi xem lúa thì phía ông G cho rằng lúa xanh nên không cân nữa. Ông G kêu ông kiếm đồng khác để cân lúa tiếp và ông có dẫn ông G xuống đồng ngã ba Vĩnh Tường (có cò lúa Trương T) để xem lúa. Ông G có trực tiếp xuống xem lúa và đã đồng ý cân, lúc này thời gian đã quá thời hạn trong hợp đồng (khoảng ngày mười mấy tháng 02/2023) và ông G nói khi nào người dân cắt lúa thì báo cho ông xuống cân. Sau đó, khoảng hơn 10 ngày, ông có gọi cho ông G xuống cân lúa thì ông G nói không có ghe lấy. Trong ngày, ông tiếp tục gọi điện ông G lần 2 xuống cân lúa thì ông G cũng nói không có ghe nhận. Sau đó hai bên không thực hiện hợp đồng nữa. Sự việc trên có những người làm chứng là chị N, anh Trương T, anh Nguyễn VT. Như vậy bên ông G vi phạm hợp đồng nên phải chịu mất cọc. Do đó ông không đồng ý trả lại tiền cọc 50.000.000 đồng và bồi thường tiền cọc 50.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 51/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn T về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc với bị đơn ông Nguyễn K.

Buộc bị đơn ông Nguyễn K có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn T số tiền cọc là 50.000.000 (năm mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn T đối với bị đơn ông Nguyễn K về việc yêu cầu phạt cọc số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ chậm trả, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 02 tháng 10 năm 2023, bị đơn ông Nguyễn K có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện ủy quyền của bị đơn cho rằng nguyên đơn không chịu nhận lúa là vi phạm hợp đồng nên phải mất cọc. Nguyên đơn thì cho rằng, đã qua thời hạn giao lúa theo hợp đồng nguyên đơn yêu cầu bị đơn giao lúa, điện thoại nhiều lần nhưng bị đơn không có lúa để giao; Lỗi vi phạm hợp đồng là của bị đơn nên phải trả lại cọc và nguyên đơn không yêu cầu phạt cọc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận đặt cọc 60.000.000^{đ} mua bán lúa trong khoảng thời gian từ ngày 15/01/2023 (âm lịch) đến hết ngày 30/01/2023 (âm lịch) nếu bên nào vi phạm thì bị phạt cọc. Tuy nhiên, đến ngày 21/02/2023 và ngày 03/3/2023 đã hết thời gian thỏa thuận theo hợp đồng nguyên đơn có nhận của bị đơn 02 ghe lúa, đã nhận đủ tiền và khấu trừ 10.000.000^{đ} tiền cọc; điều này đồng nghĩa với việc hai bên đã thống nhất thỏa thuận lại thời hạn thực hiện hợp đồng. Mục đích, các bên đặt cọc là để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng và các bên đã thực hiện được 2/3 hợp đồng nên không có căn cứ để phạt cọc. Mặt khác, đối với ghe lúa thứ ba, các bên cũng không có thỏa thuận lại việc thực hiện vào thời gian nào, nên không có căn cứ để xác định lỗi thuộc về bên nào. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đặt cọc 50.000.000^{đ} và không chấp nhận yêu cầu phạt cọc là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn K; Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 51/2023/DS-ST ngày 21/9/2023 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh tụng và tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn T và bị đơn Nguyễn K đều thừa nhận hai bên có thỏa thuận mua bán lúa. Hai bên có lập hợp đồng ông G mua 03 ghe lúa

của bị đơn, ông Kbán và ông G thống nhất đặt cọc 60.000.000đ mua bán lúa trong khoảng thời gian từ ngày 15/01/2023 (âm lịch) đến hết ngày 30/01/2023 (âm lịch) nếu bên nào vi phạm thì bị phạt cọc. Đến ngày 21/02/2023 và ngày 03/3/2023 bị đơn có giao được cho nguyên đơn 02 ghe lúa và khấu trừ 10.000.000đ tiền cọc, số tiền cọc còn lại 50.000.000đ và 01 ghe lúa chưa cân. Bị đơn cho rằng nguyên đơn có thỏa thuận mua thêm một ghe nhưng nguyên đơn không thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người đại diện ủy quyền của nguyên đơn cho rằng bị đơn vi phạm hợp đồng không giao lúa. Bị đơn cho rằng, nguyên đơn không nhận lúa nên vi phạm hợp đồng và phải mất cọc.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Căn cứ theo hợp đồng thì thời hạn cuối cùng thực hiện xong hợp đồng là hết ngày 30/01/2023 (âm lịch); Tuy nhiên, trong thời hạn các bên đều không thực hiện hợp đồng mà sau đó đến ngày 21/02/2023 và ngày 03/3/2023 thì các bên mới giao dịch mua, bán được hai ghe lúa tương ứng 2/3 hợp đồng và khấu trừ 10.000.000đ. Như vậy, các bên đều vi phạm về số lượng và thời gian đã giao kết theo hợp đồng, nên hợp đồng ký kết không còn phù hợp, không thể căn cứ vào hợp đồng để giải quyết.

Bị đơn kháng cáo cho rằng nguyên đơn không nhận lúa là vi phạm hợp đồng nên mất cọc; Nguyên đơn thì cho rằng bị đơn không giao lúa là vi phạm hợp đồng nên trả lại tiền cọc. Quá trình giải quyết vụ án, lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn đều mâu thuẫn với nhau, nhưng không ai đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh được lỗi của bên vi phạm, nên chưa đủ căn cứ xác định lỗi thuộc về ai; Không ai chứng minh có thiệt hại xảy ra nên chưa có căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường. Do giao dịch đặt cọc của các bên theo hợp đồng không còn phù hợp với giao dịch mới mà các bên đã thực hiện, nên không có căn cứ phạt cọc hoặc mất cọc; Cấp sơ thẩm tuyên xử phần tiền của ai sẽ được trả về người đó, bị đơn đang nhận giữ của nguyên đơn 50.000.000đ thì có nghĩa vụ trả cọc cho nguyên đơn là phù hợp.

Từ nhận định trên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 328, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn K.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn K có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Nguyễn T số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn T đối với bị đơn ông Nguyễn K về việc yêu cầu phạt cọc số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bị đơn ông Nguyễn K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 12/2024 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện huyện V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Những nhận định và quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 51/2024/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang không bị kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 04/06/2024.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện V;
- CC THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hoàng Khải